**MA TRẬN THI CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2023- 2024**

**MÔN GDCD 12**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề/Bài** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng**  100% |
| **Nhận biết**  40% | **Thông hiểu**  30% | **Vận dụng**  20 % | **Vận dụng cao**  10% |
| **Bài 1. Pháp luật và đời sống** | Nêu được khái niệm, đặc trưng của pháp luật | - Hiểu được bản chất và vai trò của pháp luật |  |  |  |
|  | Số câu: 2  Số điểm: 0.625  Tỉ lệ 6,25 % | Số câu: 2  Số điểm: 0.625  Tỉ lệ 6,25 % |  |  | Số câu: 4  Số điểm:1,25  Tỉ lệ: 12,5 % |
| **Bài 2. Thực hiện pháp luật** | Nêu được khái niệm, các hình thức thực hiện pháp luật và khái niệm vi phạm pháp luật | Hiểu được các hình thức thực hiện pháp luật  Các loại vi pham pháp luật | Ủng hộ các hành vi thực hiện đúng pháp luật. Phê phán các hành vi làm trái pháp luật | Lựa chọn được các cách xử sự đúng khi thực hiện pháp luật. |  |
|  | Số câu: 3  Số điểm: 0.9375  Tỉ lệ: 9,375 % | Số câu: 2  Số điểm: 0.625  Tỉ lệ: 6,25 % | Số câu: 2  Số điểm: 0.625  Tỉ lệ: 6,25 % | Số câu: 1  Số điểm: 0.3125  Tỉ lệ: 3,125 % | Số câu: 8  Số điểm: 2,5  Tỉ lệ: |
| **Bài 3. Công dân bình đẳng trước pháp luật** | Nêu khái niệm quyền bình đẳng trước pháp luật. | Hiểu nội dung quyền bình đẳng về trách nhiệm pháp lí |  |  |  |
|  | Số câu: 1  Số điểm: 0.3125 | Số câu: 1  Số điểm:0.3125 |  |  | Số câu: 2  Số điểm: 0.625  Tỉ lệ: 6.25 % |
| **Bài 4. Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình** | Nêu được khái niệm, nội dung bình đẳng trong: hôn nhân và gia đình, lao động và kinh doanh. | Hiểu được quyền bình đẳng trong: Hôn nhân và gia đình, lao động. | Biết đánh giá,  Nhận xét việc làm của những người xung quanh trong lĩnh vực xã hội. | Có thái độ đúng đắn trong lĩnh vực hôn nhân - gia đình, lao động và kinh doanh. |  |
|  | Số câu: 2  Số điểm: 0.625  Tỉ lệ: 6,25 % | Số câu: 2  Số điểm: 0.625  Tỉ lệ: 6,25 % | Số câu: 2  Số điểm: 0.625  Tỉ lệ: 6,25 % | Số câu: 1  Số điểm: 0.3125  Tỉ lệ: 3,125 % | Số câu: 7  Số điểm: 2.1875  Tỉ lệ:21.875% |
| **Bài 5. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo** | Nêu được khái niệm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo và ý nghĩa của các quyền đó. | Hiểu được nội dung quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. | Đánh giá các hành vi vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo. | Lựa chọn cách ứng xử phù hợp với quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo. |  |
|  | Số câu: 2  Số điểm: 0.625  Tỉ lệ: 6,25 % | Số câu: 2  Số điểm: 0.625  Tỉ lệ: 6,25 % |  | Số câu: 1  Số điểm: 0.3125  Tỉ lệ: 3,125 % | Số câu: 5  Số điểm:1.5625  Tỉ lệ: 15.625% |
| **Bài 6. Công dân với các quyền tự do cơ bản** |  | Hiểu được nội dung quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự và nhân phẩm của công dân. | - Đánh giá, nhận xét được các vấn đề, tình huống về quyền bất khả xâm phạm thân thể và bảo hộ về danh dự và nhân phẩm của công dân. | Lựa chọn được cách xử sự đúng khi thực hiện quyền bất khả xâm phạm về tính mạng và sức khỏe của công dân. |  |
|  | Số câu: 2  Số điểm: 0.625  Tỉ lệ: 6,25 % | Số câu: 1  Số điểm: 0.3125  Tỉ lệ: 3,125 % | Số câu: 2  Số điểm: 0.625  Tỉ lệ: 6,25 % | Số câu: 1  Số điểm: 0.3125  Tỉ lệ: 3,125 % | Số câu: 6  Số điểm:1.875  Tỉ lệ: 18.75% |
| **Tổng số câu: 32**  **Tổng số điểm: 10**  **Tỉ lệ: 100 %** | **Số câu: 12**  **Số điểm: 3,75**  **37,5 %** | **Số câu: 10**  **Số điểm: 3,125**  **31,25 %** | **Số câu: 6**  **Số điểm: 1,875**  **18,75%** | **Số câu: 4**  **Số điểm: 1,25**  **12,5%** | **Số câu: 32**  **Tổng số điểm: 10**  **Tỉ lệ: 100 %** |